TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:49/2020/DS-ST
Ngày: 30/12/2020
V/v:" Tranh chấp hụi và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Cơ
2. Ông Bùi Anh Đức

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Tô Văn Đằng – Thư ký Toà án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M , xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2020/TLST-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hụi và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2020QĐXXST-DS, ngày 17/11/2020 giữa các đương sự:

- *N đơn*: Ông Đặng Trung N , sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Số 63 ấp H, xã T , huyện M , tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Số 82 ấp A, xã G, huyện M , tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1981.(Có mặt)
+ Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1985(vắng mặt)
+ Ông Nguyễn Tuấn E sinh năm 1988 (vắng mặt)
+ Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 82, ấp A, xã G, huyện M , tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/09/2020, N đơn ông Đặng Trung N trình bày:

Trước đây vào các năm 2017, 2018, tôi là hụi viên, bà L là chủ hụi, tôi có tham gia 02 dây hụi như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 500.000đ, khui ngày 25/1/2018, một tháng khui 01 lần, có 37 hụi viên, tôi vô 02 chân, đã đóng được số tiền là 12.400.000đ, hụi đã mãn, nhưng sau đó tháng 10/2019 bà L chết thì bể hụi và ngưng đến này.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 500.000đ, khui ngày 25/3/2017, một tháng khui 01 lần, có 36 hụi viên, tôi vô 02 chân, tôi đã đóng được số tiền là 19.500.000đ, hụi đã mãn, nhưng sau đó tháng 10/2019 bà L chết thì bể hụi và ngưng đến này.

Sau khi bà L chết thì con dâu và con gái bà L kết sổ với ông thì bà L còn nợ ông số tiền hụi là 31.900.000đ là số tiền vốn mà ông đã đóng vô, không tính lãi. Ngày 09/3/2020 ông Nguyễn Văn T làm giấy nhận nợ là còn nợ ông số tiền 31.900.000 đồng, hứa đến ngày 09/9/2020 sẽ trả đủ cho ông, nhưng đến hẹn thì ông T không thực hiện. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và các con có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền 31.900.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- *Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày*: Việc chơi hụi do vợ ông là bà Nguyễn Ngọc L làm chủ hụi, nhưng nay bà L đã chết nên ông và các con cộng sổ hụi lại thì thấy ông N đã có đóng hụi cho bà Lsố tiền vốn tổng cộng là 31.900.000đ. Nay ông T cũng thống nhất hoàn trả cho ông N số tiền hụi mà bà L còn nợ là 31.900.000đ, nhưng do hiện nay ông không có khả năng thanh toán nên không trả cho ông N được.

- Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn A trình bày: Ông là con chung của ông T và bà L, ông có biết việc góp hụi giữa mẹ ông và ông N nhưng không biết cụ thể như thế nào. Nay ông A không thống nhất trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông N.

- Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tuấn E , bà Nguyễn Thị Diễm T, bà Nguyễn Thị Diễm T mặc dù Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại địa phương nhưng các đương sự nêu trên cũng không đến Toà án để tham gia hoà giải và tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của N đơn.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn, buộc bị đơn ông Tphải có trách nhiệm hoàn trả cho ông N ½ số nợ là 15.950.000đ, số nợ ½ còn lại 15.950.000đ ông T cùng những người

con là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông N và trả trong phạm vi di sản do bà L để lại. Đối với ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các con chung của ông T và bà L gồm ông Nguyễn Tuấn E, bà Nguyễn Thị Diễm T, bà Nguyễn Thị Diễm T mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông Em, bà T, bà T.

- Về nội dung:

* Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trước đây khi thụ lý Tòa án đã thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hụi". Nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp hụi và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"* thì mới chính xác và phù hợp với quy định của pháp luật.

* **Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền hụi chết chưa đóng là 31.900.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:**

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất với nhau về số tiền hụi còn nợ là 31.900.000đ, căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

[2] Tại phiên toà hôm nay ông T đã thừa nhận còn nợ ông N số tiền hụi chưa giao là 31.900.000đ. Nay ông T cũng đồng ý hoàn trả cho ông N số tiền 31.900.000đ nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình ông Tđang gặp khó khăn nên không có khả năng trả cho ông N.

[3] Xét thấy, N nhân phát sinh tranh chấp là trước đây bà L làm chủ hụi, bà L chưa thanh toán tiền góp hụi cho hụi viên. Mặc dù hiện nay bà L đã chết nhưng sau khi bà L chết thì ông T cùng các con của ông T đã kết sổ để tính số tiền hụi mà bà L còn nợ ông N theo giấy nhận nợ ngày 09/3/2020. Tại phiên toà bị đơn đã thừa nhận có hợp

đồng góp hụi với nguyên đơn và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền hụi là 31.900.000đ. Từ đó Hội đồng xét xử đã đủ căn cứ để xác định việc ông N và bà L có hợp đồng góp hụi với nhau và sau khi bà L chết thì gia đình ông T và các con đã kết sổ và hiện còn nợ ông N số tiền hụi chưa trả là có thật và việc ông N khởi kiện đòi ông Tcùng các con ông T phải hoàn trả tiền hụi còn nợ là có cơ sở.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/2/2019 quy định về trách nhiệm của chủ họ do không giao hoặc giao không đầy đủ các phần họ cho thành viên được lĩnh họ. Trường hợp đến kỳ mở họ mà chủ họ không giao các phần họ cho thành viên được lĩnh họ thì chủ họ có trách nhiệm đối với thành viên đó như sau: Thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 của Nghị định này. Theo qui định về nghĩa vụ của chủ họ tại Điều 18 là chủ họ có trách nhiệm giao các phần họ cho thành viên lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ.

Căn cứ theo quy định trên thì bà L là vợ ông T đã vi phạm nghĩa vụ giao tiền hụi cho ông N theo như phương thức hợp đồng góp hụi mà các bên đã giao kết, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông N.

Ngoài ra theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *"Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: 1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm; 2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*. Tại phiên tòa ông T cũng thừa nhận việc chơi hụi của bà L là nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, vì vậy đây cần xem đây là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng và mỗi người phải chịu trách nhiệm trả ½ các khoản nợ. Ngoài ra theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015 thì những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Do hiện nay bà L đã chết nên cần buộc ông T phải có trách nhiệm trả cho ông N ½ khoản nợ và ½ số nợ còn lại ông T cùng các con phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông N, trả trong phạm vi di sản mà bà L để lại.

Qua xác minh về những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L gồm: Ông Nguyễn Văn T, các con chung của ông T và bà L gồm: ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Diễm T, bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Nguyễn Tuấn E còn cha, mẹ bà L hiện đã chết.

Tòa án cũng đã xác minh về tài sản chung của ông T và bà Lvà theo công văn trả lời của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M thì hiện nay tài sản của ông T và bà L còn lại là 03 thửa đất tại thửa số 765, thửa 378, thửa 381 hiện chưa thực hiện việc chuyển quyền cho cá nhân, tổ chức nào.

Do đó Hội đồng xét xử cần xử buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Đặng Trung N ½ số tiền hụi là 15.950.000đ, ông Nguyễn Văn T và các người con gồm ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Diễm T, bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Nguyễn Tuấn E phải có trách nhiệm liên đới hoàn hoàn trả cho ông N ½ số tiền hụi còn lại là 15.950.000đ, trách nhiệm trả nợ chỉ trả trong phạm vi di sản mà bà L để lại là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.595.000đ, tuy nhiên theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì ông T là người cao tuổi do đó bị đơn thuộc trường hợp được miễn tiền án phí không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, (phần ông T được miễn là 957.000đ). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu 638.000đ án phí. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 14 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 357; Điều 468; Điều 471; Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 18, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Trung N. .

1/. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Đặng Trung N số tiền hụi còn nợ là 15.950.000đ.

2/. Buộc ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Tuấn A, ông Nguyễn Tuấn E, bà Nguyễn Thị Diễm T, bà Nguyễn Thị Diễm T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Đặng Trung N số tiền hụi còn nợ là 15.950.000đ, chỉ trả nợ trong phạm vi di sản do bà L để lại.

3/. Khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Đặng Trung N có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Văn T , ông Nguyễn Tuấn A, ông Nguyễn Tuấn E bà Nguyễn Thị Diễm T, bà Nguyễn Thị Diễm T chậm trả số tiền nêu trên cho ông N thì phải trả lãi đối với số tiền trả chậm theo lãi suất mức lãi suất 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Đặng Trung N không phải chịu án phí.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T được miễn, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Tuấn A, ông Nguyễn Tuấn E, bà Nguyễn Thị Diễm T, bà Nguyễn Thị Diễm T phải liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 638.000đ, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện M
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Dương Hải